

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HSST
Ngày 31- 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;
Ông Phan Phi Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trinh- Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử số 1, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo **Hồ Văn H**, (tên gọi khác: **Pả L**), sinh ngày 01/01/1984, tại Quảng Trị; nơi cư trú: **Khóm K, thị trấn L, Huyện** hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Bru Vân Kiều; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Văn M** và bà **Hồ Thị T**; vợ **Hồ Thị D** (đã ly hôn) và có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không.

Tiền án: 01, Bản án phúc thẩm số 05/2017/HSST ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp chung với hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 37/2016/HSST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, buộc phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 năm 09 tháng tù, chấp hành xong ngày 28/02/2023.

Nhân thân: Ngày 24/6/2002, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/01/2003, đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giam ngày 03/11/2023, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H: Ông **Hà Trung T1**, trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q**, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Hồ Văn M1**, địa chỉ: **khóm K, thị trấn L, Huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt

+ Ông **Hồ Văn H1**, địa chỉ: **Xã L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.
+ Ông **Đỗ T2**, địa chỉ: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.
+ Ông **Hồ Văn H2**, địa chỉ: **thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt
- **Người làm chứng**: Ông **Nguyễn Văn C**; địa chỉ: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 02/11/2023, khi **Hồ Văn H** đang mua hàng hóa ở **chợ K, Lào** thì gặp một người thanh niên tên **A V** (người Lào, không rõ địa chỉ), **A V** hỏi **H** “có dẫn người qua cho **A V** được không”, **H** hiểu **A V** thuê **H** đưa người xuất cảnh trái phép qua Lào bằng đường tiểu ngạch nên đồng ý sẽ tìm người dẫn đi chứ không dẫn đi trực tiếp. Sau khi trao đổi, **A V** hứa sẽ trả tiền công cho **H** 1.000.000 đồng /01 người. Khoảng 18 giờ cùng ngày, **A V** đến nhà hỏi **H** đã tìm được người dẫn đi chưa thì **H** trả lời tìm được rồi. **A V** thông báo cho **H** biết tối cùng ngày có 05 người cần đưa qua Lào và yêu cầu **H** tìm 03 xe ôm để đón họ từ **thị trấn K lên thị trấn L**, chi phí thuê xe ôm **A V** trả, **H** nhận lời. **A V** đưa số điện thoại 0979.941.362 của **Nguyễn Văn C** tài xế ô tô chở 05 người xuất cảnh trái phép để **H** liên hệ đón khi đến **thị trấn K**. Sau đó, **H** gọi điện thuê **Hồ Văn M1**, trú tại **khóm K, thị trấn L, huyện H** đi chở những người này, thỏa thuận tiền công 500.000 đồng, nếu đi mà không đón được người thì trả 100.000 đồng tiền xăng, đồng thời **H** bảo **M1** gọi thêm một người nữa cùng đi. **M1** gọi thêm **Hồ Văn H1**, trú tại **xã L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau đó, **H** tiếp tục gọi điện thoại thuê **Đỗ T2**, trú tại **thôn L, xã T, H** đón và chở người từ **thị trấn K lên thị trấn L** với tiền công 500.000 đồng. Sau khi **A V** rời đi, **H** gọi điện thoại và cho **M1** số điện thoại của **Nguyễn Văn C** và cho **T2** số điện thoại của **M1**. **H** dặn **M1** và **T2** là chở người lên khu vực **K thuộc Khóm K, thị trấn L, H** sẽ có người đón. Sau đó, **H** bảo **Hồ Văn H2**, trú tại **thôn L, xã B, huyện H**, lúc đó đang ở nhà của **H** đi bộ đến khu vực **K thuộc khóm K** chờ ở đó để đón, rồi dẫn đi bộ vào trong rừng giao cho **A V** tại khu vực biên giới thuộc **Tổ D, khóm K**. **H2** đồng ý và ra vị trí trên đứng chờ. **H** và **H2** không đề cập tiền công nhưng **H** dự định sẽ chia cho **H2** 500.000 đồng/01 người sau khi nhận được tiền từ **A**.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/11/2023, **Nguyễn Văn C** được 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) dùng số điện thoại “0357.573.862” liên lạc và thuê **C** khoảng 16 đến 17 giờ chiều cùng ngày đến **đường H** chở 04 khách đến **thị trấn L, huyện H**. Khoảng 14 giờ, **C** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74A-108.72 xuất phát từ **thị trấn K đến đường H**. Khi đến địa phận **thị trấn C** có 01 người gọi cho **C** hỏi vị trí, đặc điểm xe và hướng dẫn **C** chạy xe theo **đường H ra Quảng Bình**. Khi chạy được khoảng 20 - 30 km người này gọi điện cho **C** bảo quay xe lại. **C** quay lại được khoảng 01 km thấy có 05 người đàn ông đứng bên phải mép đường nên dừng xe thì

có 04 người đàn ông lên xe. Khi đến thị trấn K, C chở những người này về nhà của mình rồi đi mua cơm cho họ ăn. Sau đó, người phụ nữ gọi cho C nói chở 04 người trên lên nhà máy sản ở xã T sẽ có người đón. C thực hiện theo yêu cầu của người phụ nữ. Khi chạy xe qua nhà máy S khoảng 01 km thì bị lực lượng Công an kiểm tra và yêu cầu phối hợp tiếp tục điều khiển xe đến địa điểm giao người. Qua quá trình liên lạc, trao đổi với người phụ nữ thuê và người đón (liên lạc với số điện thoại 0866.694.691 của Hồ Văn H1 và số điện thoại 0866.125.449 của Hồ Văn H), C quay đầu xe đến cây xăng tại Km 1 tỉnh lộ 586 tại T, H. Một lúc sau Đỗ T2, Hồ Văn M1, Hồ Văn H1 điều khiển 03 (ba) xe mô tô đến khu vực cây xăng, tiếp cận xe ô tô để đón người thì bị lực lượng Công an yêu cầu kiểm tra và mời về trụ sở Công an xã T làm việc. Hồ Văn H2 chờ lâu không thấy ai tới nên được Hồ Văn H chở về nhà. Ngày 03/11/2023 H2 được cơ quan điều tra mời về trụ sở làm việc.

Sau khi nghe thông tin Hồ Văn M1, Đỗ T2 bị mời đến trụ sở Công an làm việc, Hồ Văn H đã đến trụ sở Công an xã T đầu thú về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

*** Vật chứng thu giữ:**

- Thu giữ của Hồ Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model TA-1174, IMEI 1: 354986520529670, IMEI 2: 354986522529678, đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Nguyễn Văn C:

- + 01 xe ô tô MITSUBISHI ATTRAGE, màu trắng, biển số đăng ký 74A-108.72, số khung A13AKH004398, số máy 3A92UJH2010, xe đã qua sử dụng.

- + 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, model TA-1034, bên trong có gắn 02 thẻ sim, gồm: 01 (một) sim V1 số seri 8984 04800 00708 70588, số thuê bao 0979941362 và 01 (một) sim 4G SPEED số seri 89840 20001 05945 16627, số thuê bao 0918 056 694, đã qua sử dụng;

- + 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y53s, viền màu xanh, IMEI 1: 860420059713254, IMEI 2: 860420059713247, bên trong có gắn 01 (một) sim Vinaphone số seri 89840200011601007154, số thuê bao 0915207369, đã qua sử dụng;

(Đã trả lại cho chủ sở hữu)

- Thu giữ của Hồ Văn M1 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh, model TA-1174, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại có số seri 8984 04800 03010 37359, số điện thoại: 0392 186 764, đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Hồ Văn H1 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A02S, màu đen, Imei 1: 352845143616219, Imei 2: 3533051563616214, bên trong có gắn 02 thẻ sim gồm: 01 sim mobifone 4G có số seri 8401210633121437, số thuê bao là 0766.760.655 và 01 sim Viettel 4G có số seri 8984048000912643118, số thuê bao là 0866694691, đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Đỗ T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, model 23053RN02A, bên trong có gắn 01 sim 4G Viettel có số seri 8984048000919897301, đã qua sử dụng;

Cáo trạng số 36/CT-VKSQT-P1 ngày 24/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo **Hồ Văn H** về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Hồ Văn H** về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù; Về xử lý vật chứng: Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, thu giữ của bị cáo, bị cáo dùng liên lạc với **A V** là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Điện thoại di động hiệu NOKIA thu giữ của **Hồ Văn M1**; điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A02S thu giữ của **Hồ Văn H1** và điện thoại di động hiệu Redmi thu giữ của **Đỗ T2** không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là người dân tộc thiểu số không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, mới ra tù không có nghề nghiệp, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ly hôn, đề nghị cân nhắc cho bị cáo mức hình phạt tù 18 tháng đến 21 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Sau khi được **A V** thuê hứa trả 1.000.000 đồng cho một người xuất cảnh trái phép; ngày 02/11/2023, **Hồ Văn H** thuê **Hồ Văn M1**, **Đỗ T2**, **Hồ Văn H1** đi đón 04 người Trung Quốc từ **thị trấn K** lên khu vực **suối K** thuộc **Khóm K**, **thị trấn L** để **Hồ Văn H2** dẫn 04 người Trung Quốc đi theo lối mòn đến giao lại cho **A V** dẫn xuất cảnh trái phép sang Lào. Khi xe chở 04 người Trung Quốc đến cây xăng tại **K tỉnh lộ 586 xã T, huyện H** thì bị phát hiện. Hành vi của **H** đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự, hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi của bị cáo tổ chức cho 04 người Trung

Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, tuy nhiên 04 người này chưa đưa được qua biên giới mà bị phát hiện, bắt quả tang nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, nên phải xử lý nghiêm.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo **H** đã bị kết án, chưa được xóa án tích, mà phạm tội do cố ý phải chịu tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt, xem xét cho bị cáo thực hiện hành vi trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu nên xử phạt nghiêm mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Đối với những người có liên quan:

+ **Nguyễn Văn C** lái xe ô tô chở 04 người Trung Quốc đến **thị trấn L**; **Hồ Văn M1**, **Đỗ T2**, **Hồ Văn H1** là những người lái xe thô, những người này chỉ chở người để nhận tiền công và không biết việc 04 người Trung Quốc lên **thị trấn L** để xuất cảnh trái phép sang Lào.

+ **Hồ Văn H2** được **Hồ Văn H** yêu cầu ra đón người tại **K, L, H** để giao cho **A V**. Tuy nhiên, **H2** với **H** không thỏa thuận về tiền công, không chứng minh được yếu tố vụ lợi, hơn nữa, **H2** chưa đón được người để đưa đi.

+ Người phụ nữ có số điện thoại “0357.573.862”, là người thuê **Nguyễn Văn C** đón chở 04 người Trung Quốc, xác minh qua số điện thoại xác định thông tin đăng ký chính chủ là của **Hồ Văn L1**, sinh năm 1978, trú tại **Nguồn R- P, H, H**, nhưng người này không đăng ký, sử dụng số thuê bao nói trên.

+ Người có tên **A V** (người Lào), do không có thông tin gì khác nên không có cơ sở xác minh để xử lý.

+ 04 người Trung Quốc có hành vi xuất, nhập cảnh trái phép, Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh Q** đã chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

[5] Về xử lý vật chứng:

Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, thu giữ của **Hồ Văn H**, **H** dùng liên lạc với **A V** và thuê xe, là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho **Nguyễn Văn C** xe ô tô biển số đăng ký 74A-108.72; điện thoại di động hiệu NOKIA và điện thoại di động hiệu VIVO Y53s, là đúng quy định pháp luật.

Điện thoại di động hiệu NOKIA thu giữ của **Hồ Văn M1**; điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A02S thu giữ của **Hồ Văn H1** và điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của **Đỗ T2** không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

[6] Ra Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hồ Văn H** (tên gọi khác **Pã L**) phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự, xử phạt **Hồ Văn H 03** (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model TA-1174, IMEI 1: 354986520529670, IMEI 2: 354986522529678, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

- *Trả lại tài sản:*

+ Trả lại cho **Hồ Văn M1** 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh, model TA-1174, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại có số seri 8984 04800 03010 37359 (*không kiểm tra được số điện thoại 0392 186 764*), máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy;

+ Trả lại cho **Hồ Văn H1** 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A02S, màu đen, Imei 1: 352845143616219, Imei 2: 3533051563616214, bên trong có gắn 02 thẻ sim gồm: 01 sim mobifone 4G có số seri 8401210633121437, (*không kiểm tra được số thuê bao là 0766.760.655*) và 01 sim Viettel 4G có số seri 8984048000912643118, (*không kiểm tra được số thuê bao là 0866694691*), máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy;

+ Trả lại cho **Đỗ T2** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, model 23053RN02A, bên trong có gắn 01 sim 4G Viettel có số seri 8984048000919897301, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy;

*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh Q** với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.*

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Hồ Văn H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại TG-CA tỉnh Quảng Trị;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP;
- Lưu: H/S.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Gái Phan Phi Anh

Đoàn Thị Kim Thương

